

2 CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

SGK *Tiếng Việt 1* được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, trung bình mỗi tuần 12 tiết), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần, trung bình mỗi tuần 12 tiết).

Tập một

a) Cấu trúc sách

Ngoài các bài học ở *Tuần mở đầu - Chào em vào lớp 1* (giúp HS làm quen với môi trường và hoạt động học tập ở lớp 1) và *Tuần ôn tập*, 16 tuần còn lại có 80 bài, mỗi tuần có 5 bài, gồm cả bài *Ôn tập và kể chuyện* ở cuối tuần. Mỗi bài được dạy học trong 2 tiết, trình bày trong 2 trang sách, một trang chữ và một trang vẽ. Ngoài ra, mỗi tuần còn có 2 tiết tập viết tăng thêm ngoài thời gian tập viết trong các bài học; trước khi viết, HS cũng được luyện đọc các từ ngữ luyện viết. Ngoài luyện viết và luyện đọc, thời gian còn lại của 2 tiết (nếu có) có thể dành để HS làm các bài tập nối, điền,... được thiết kế trong *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một*.

Mỗi bài gồm một hoặc một số âm chữ (chữ cái và dấu thanh) hoặc vần; số lượng và độ khó của âm chữ, vần trong một bài được tăng dần tương ứng với kĩ năng mà HS đã học được. Các âm chữ và vần được sắp xếp dựa vào một số căn cứ, cụ thể là:

- Khả năng dùng các âm chữ tổ hợp nên các tiếng, từ ngữ, câu gần gũi, thông dụng để HS học xong những chữ cái và dấu thanh đó có thể đọc và viết được nhiều tiếng, từ ngữ, câu.

- Trình tự các con chữ trong bảng chữ cái, tính chất đồng dạng của chữ và vần, chẳng hạn: những chữ cái được dạy học đầu tiên là a, b, c,...; các vần được chia theo nhóm, gắn nhau về âm và chữ viết như: *an, ăn, ân; on, ôn, ơn; en, ên, in, un; am, ăm, âm;...*
- Độ thông dụng và độ khó của đơn vị ngôn ngữ cần học. Những vần thông dụng nhưng có cấu trúc phức tạp, khó đọc và viết thì được xếp vào cuối tập một. Những vần ít thông dụng, đặc biệt là vừa ít thông dụng vừa khó, thì được đưa vào tập hai.

b) Cấu trúc bài học

Ở tập một, mỗi bài học trong 4 bài học hằng tuần đều được bắt đầu bằng hoạt động **nhận biết** âm chữ hoặc vần chuẩn bị học. Hoạt động này được thiết kế dưới dạng yêu cầu HS quan sát tranh, nhận biết nội dung tranh và nói (hoặc đọc) theo GV câu thuyết minh tranh. Câu này có chứa các âm chữ hoặc vần được học trong bài và thường thể hiện các sự việc, trạng thái có thể minh họa bằng hình ảnh trực quan. Hoạt động nhận biết này tạo cho HS có hứng thú khám phá bài học. Những âm chữ, vần cần học được đặt trong câu (đánh dấu màu đỏ), gắn với một sự việc, trạng thái cụ thể, tạo cho HS cảm giác bài học gần gũi và thiết thực với đời sống. Trong câu nhận biết có thể có nhiều từ ngữ HS chưa thể tự đọc được, tỉ lệ những từ ngữ này được giảm dần ngay trong học kì 1. Các em nói (hoặc đọc) câu thuyết minh lặp lại theo GV, nhờ quan sát tranh và nhờ vốn ngôn ngữ nói tiếng Việt, các em hiểu được ý nghĩa của câu. Việc từng bước gắn ý nghĩa của một câu với hình thức viết của câu vốn chưa thật quen thuộc, giúp HS sớm có ý niệm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết ở cấp độ đơn vị giao tiếp. Nhờ đó, kĩ năng đọc sẽ được phát triển nhanh hơn. Trong bối cảnh nhiều HS có khả năng đọc phát triển sớm thì câu nhận biết cũng là ngữ liệu hỗ trợ các em luyện đọc.

Sau hoạt động **nhận biết** là hoạt động **đọc âm/vần, tiếng, từ ngữ**; cuối tiết 1 là **viết bảng**. Mở đầu tiết 2, HS **viết vở** (Ngoài ra, như đã nêu trên, mỗi tuần có 2 tiết ngoài bài học để HS tiếp tục luyện viết. Trong thời gian dành cho viết vào buổi sáng, nếu HS nào chưa viết xong, các em có thể viết phần còn lại vào 2 tiết tập viết tăng thêm này). Sau tập viết vào vở, HS **đọc câu/đoạn ngắn**, cuối cùng là **nói (và nghe)** theo nghi thức lời nói hoặc theo chủ điểm gắn với một nội dung của bài học.

Phần **đọc câu/đoạn ngắn** yêu cầu HS không chỉ có kỹ năng **đọc thành tiếng** mà còn có kỹ năng **đọc hiểu**. Mức độ yêu cầu đọc hiểu tăng dần theo nội dung đọc. Các câu hỏi đọc hiểu (chỉ gợi ý trong sách GV) theo đó tăng lên về số lượng và độ khó.

Từ tuần 1 đến tuần 10, bài 1 và bài 3 của mỗi tuần, phần nói dành để HS thực hành các **nghi thức lời nói** cơ bản được quy định trong chương trình, giúp các em phát triển kỹ năng chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép. Còn các **chủ điểm** nói được lựa chọn thường gắn với nội dung đọc ở ngay trước đó mà không gò bó theo âm chữ hay vần trong bài học. Nói và nghe như là phần mở rộng, nối dài của đọc. Nhờ đó, đọc, nói và nghe hỗ trợ hiệu quả cho nhau. Đọc chuẩn bị nội dung cho nói và nghe. Nói và nghe giúp HS hiểu rõ hơn nội dung của phần đọc. Đây cũng là hoạt động học tập giúp HS tự tin hơn khi giao tiếp, tạo tiền đề cho kỹ năng trình bày, thuyết trình ở các lớp trên. Một khoảng thời gian ngắn cuối mỗi bài học dành cho nói và nghe tương đối tự do cũng giúp HS giảm được căng thẳng sau gần 2 tiết học. SGK chỉ đưa ra gợi ý. GV có thể sáng tạo những “kịch bản” khác nhau để tổ chức hoạt động nói và nghe cho hiệu quả.

Bài 1 A a

1 Nhận biết



Nam và Hà ca hát.

2 Đọc

a

3 Tô và viết

a a

14

4 Đọc



5 Nói

Chào hỏi



15

Trong bài **Ôn tập và kể chuyện** cuối mỗi tuần, phần Ôn tập giúp HS củng cố, phát triển kĩ năng đọc tiếng, từ ngữ, câu hoặc đoạn có chứa âm chữ/vần được học trong tuần và viết chính tả; từ tuần 1 đến tuần 6 (phần học âm chữ: viết cụm từ); từ tuần 7 đến tuần 16 (phần học vần: viết câu ngắn); phần Kể chuyện giúp HS phát triển kĩ năng nghe, nói, tưởng tượng, suy luận,...

BÀI 30 ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN

1 Đọc

ngoan loát thoán hoát loài huệ tuy
luân luật chuyển duyệt

Mỗi lần về quê, Hà lại được bà kể cho nghe nhiều câu chuyện hay. Nào là truyền thuyết về Lạc Long Quân, truyền thuyết Thánh Gióng, truyền thuyết về hồ Hoàn Kiếm. Nào là sự tích cây quýt, sự tích cây xoài,... Giọng kể của bà trầm ấm. Hà bị cuốn vào các câu chuyện suốt từ đầu cho đến cuối.

172

2 Viết

Xuân vẽ, đảo nỏ thắm, quất trĩu quả.

3 Kể chuyện

Cặp sừng và đôi chân

(1)

Hươu cảm thấy như thế nào về cặp sừng và đôi chân của mình?

(2)

Khi tha thẩn trong rừng, hươu gặp phải chuyện gì?

(3)

Cặp sừng hay đôi chân giúp hươu thoát nạn?

(4)

Thoát nạn, hươu nghĩ gì?

173

Tập hai

a) Cấu trúc sách

Ở tập hai, có 8 bài lớn, mỗi bài được dạy học trong 2 tuần (24 tiết). Trong 24 tiết cho mỗi bài lớn có 18 tiết dành cho đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản; 2 tiết ôn tập ở cuối tuần thứ 2 mỗi bài; 4 tiết (mỗi tuần 2 tiết) dành để HS hoàn thành nốt những nội dung có thể chưa hoàn thành trong thời gian quy định (2 tiết cho thơ, 4 tiết cho văn bản văn xuôi). GV cũng có thể sử dụng linh hoạt 4 tiết này để: (1) tổ chức cho HS luyện tập, thực hành củng cố các kĩ năng. SGK có gợi ý nội dung dạy học cụ thể cho 4 tiết này; (2) cho HS làm bài tập trong *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai*; (3) cho hoạt động đọc mở rộng (HS tự tìm đọc truyện, thơ, văn bản thông tin và trao đổi với nhau về những gì đã đọc).

Mỗi bài lớn tương đương với một “chương” (chapter) trong một số SGK nước ngoài hoặc với đơn vị dạy học xoay quanh một chủ điểm như một số SGK Việt Nam trước đây. Các bài lớn được thiết kế theo hệ thống chủ điểm, phát triển từ những chủ điểm gần gũi nhất như tôi (cá nhân người học) và bạn bè, gia đình, nhà trường đến những chủ điểm liên quan đến kỹ năng sống, bài học về đạo đức, thiên nhiên, cảm nhận của con người về thế giới xung quanh và cuối cùng là đất nước và con người Việt Nam. Hệ thống chủ điểm này vừa có tính gợi mở, gây hứng thú đối với HS vừa nhắm đến mục tiêu bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất chủ yếu được quy định trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018. Với hệ thống chủ điểm có “độ phủ” rộng, kết hợp với kênh hình được thiết kế công phu, *Tiếng Việt 1* đáp ứng giáo dục HS những vấn đề có tầm quan trọng đối với thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay, được coi là những chủ điểm xuyên Chương trình, vượt ra khỏi phạm vi một môn học cụ thể, như chủ quyền quốc gia, nhân quyền (đặc biệt là quyền trẻ em), bảo vệ môi trường, bình đẳng giới,...

MỤC LỤC		
1	TÔI VÀ CÁC BẠN	Trang
Bài 1	Tôi là học sinh lớp 1	4
Bài 2	Đôi tai xấu xí	8
Bài 3	Bạn của giở	12
Bài 4	Giải thưởng tình bạn	14
Bài 5	Sinh nhật của vai con	18
	Ôn tập	22
2	MÁI ẤM GIA ĐÌNH	
Bài 1	Nu hôn trên bàn tay	24
Bài 2	Làrrn anh	28
Bài 3	Cô nhà di chơi núi	30
Bài 4	Quạt cho bố ngủ	34
Bài 5	Bữa cơm gia đình	36
Bài 6	Ngồi nhà	40
	Ôn tập	42
3	MÁI TRƯỜNG MIẾN YÊU	
Bài 1	Tôi đi học	44
Bài 2	Đi học	48
Bài 3	Hoa yêu thương	50
Bài 4	Cây bàng và lớp học	54
Bài 5	Bác trồng trường	56
Bài 6	Giờ ra chơi	60
	Ôn tập	62
4	ĐIỀU EM CẦN BIẾT	
Bài 1	Rửa tay trước khi ăn	64
Bài 2	Lời chào	68
Bài 3	Khi mẹ vắng nhà	70
Bài 4	Nếu không may bị lạc	74
Bài 5	Đền gạo tháng	78
	Ôn tập	82
5	BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG	
Bài 1	Kiến và chim bồ câu	84
Bài 2	Câu chuyện của rề	88
Bài 3	Câu hỏi của sỏi	90
Bài 4	Chu bê chân cừu	94
Bài 5	Tiếng vọng của núi	98
	Ôn tập	102
6	THIÊN NHIÊN KÌ THÚ	
Bài 1	Loài chim của biển cả	104
Bài 2	Bầy sắc cầu vồng	108
Bài 3	Chùa tế rừng xanh	110
Bài 4	Cuộc thi lái nống rừng xanh	114
Bài 5	Cây liễu dẻo dai	118
	Ôn tập	122
7	THẾ GIỚI TRONG MẮT EM	
Bài 1	Tiu nắng đi đâu?	124
Bài 2	Trong giấc mơ buổi sáng	126
Bài 3	Ngày mới bắt đầu	128
Bài 4	Hỏi mẹ	132
Bài 5	Những cánh cò	134
Bài 6	Buổi trưa hè	138
Bài 7	Hoa phương	140
	Ôn tập	142
8	ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI	
Bài 1	Cậu bé thông minh	144
Bài 2	Lính cứu hoá	148
Bài 3	Lớn lên bạn làm gì?	152
Bài 4	Rượu bạc thưng ở Sa Pa	154
Bài 5	Nhà on	156
Bài 6	Du lịch biển Việt Nam	158
	Ôn tập	162
	ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ	
Ôn tập	Bài 1	164
	Bài 2	168
	Bài 3	170
	Đánh giá cuối năm học	172
	MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH	175

Trong mỗi bài lớn (theo chủ điểm) thường có đủ các kiểu loại văn bản cơ bản: truyện, thơ, văn bản thông tin. Tuy nhiên, tùy thuộc vào chủ điểm của bài học mà văn bản văn học (truyện, thơ) hay văn bản thông tin chiếm tỉ lệ nhiều hơn, chẳng hạn bài học có chủ điểm là thiên nhiên thì văn bản thông tin nhiều hơn

văn bản văn học, ngược lại, bài học có chủ điểm là cảm nhận về thế giới thì tỉ lệ văn bản văn học cao hơn. Mỗi văn bản truyện, văn bản thông tin được thiết kế dạy học trong 4 tiết, mỗi bài thơ 2 tiết (trừ một văn bản văn xuôi ở bài 8) chỉ dạy học trong 2 tiết. Do số tiết cho mỗi bài lớn (theo chủ điểm) là cố định (24 tiết) nên những bài có tỉ lệ văn bản thơ cao như bài *Thế giới trong mắt em* thì có số lượng văn bản nhiều hơn những bài khác.

b) Cấu trúc bài học

Mỗi văn bản đọc là trung tâm của một bài nhỏ. Khởi đầu bài học là hoạt động **khởi động** nhằm huy động trải nghiệm, hiểu biết và tạo tâm thế để HS đọc hiểu văn bản tốt hơn. Hoạt động này thường được tổ chức dưới hình thức HS quan sát tranh thể hiện các sự việc, nhân vật có liên quan đến nội dung văn bản đọc, rồi trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi. Sau hoạt động khởi động là **đọc thành tiếng, đọc hiểu** (thể hiện qua trả lời câu hỏi).

Đối với văn bản thơ, HS được luyện tập **nhận biết vần** nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng về vần và **học thuộc lòng** (một, hai khổ thơ hoặc cả bài). Đối với văn bản văn xuôi, HS được thực hành **viết câu** (viết lại câu trả lời cho câu hỏi về nội dung của văn bản đọc và viết câu đã hoàn thiện sau khi chọn từ ngữ phù hợp để hoàn thiện câu), **nói và nghe** (theo tranh), **nghe viết chính tả** một đoạn ngắn, **làm bài tập chính tả**. Đôi khi có hoạt động **kể chuyện** hay **đóng vai** diễn lại câu chuyện đã đọc. Cuối mỗi bài học (cả thơ và văn xuôi) có thể có hoạt động **tích hợp, mở rộng, vận dụng** đa dạng, thường dưới hình thức chơi trò chơi, giải ô chữ, vẽ, hát,... Tất cả các nội dung từ khởi động đến học thuộc lòng (đối với bài học có ngữ liệu là thơ), từ khởi động đến bài tập chính tả (đối với bài học có ngữ liệu là văn xuôi) và những hoạt động nhẹ nhàng, không mất nhiều thời gian, giúp HS thư giãn như hát, chia sẻ ngắn về một nội dung có liên quan đến bài đọc,... HS cần hoàn thành trong thời gian quy định cho mỗi bài học (thơ: 2 tiết, văn xuôi: 4 tiết). Các nội dung còn lại, tùy vào điều kiện thực tế, HS có thể hoàn thành trong thời gian dành cho mỗi bài học hoặc trong tiết thứ 11 và 12 của mỗi tuần (thuộc thời gian do Chương trình Quốc gia quy định). Tuy vậy, ngay cả những nội dung cần hoàn thành trong thời gian quy định, nếu HS nào chưa hoàn thành thì GV vẫn nên cho các em thực hiện nốt trong tiết 11 và 12.

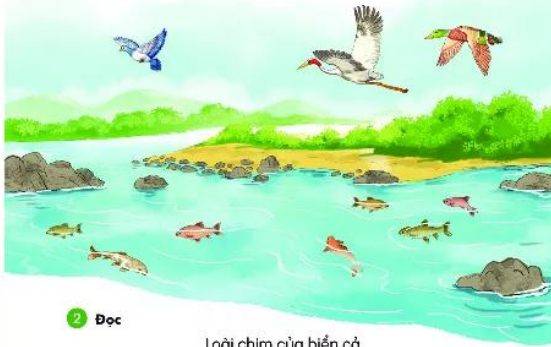
6

THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

Bài 1

LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ

- 1 Quan sát tranh và cho biết điểm khác nhau giữa chim và cá

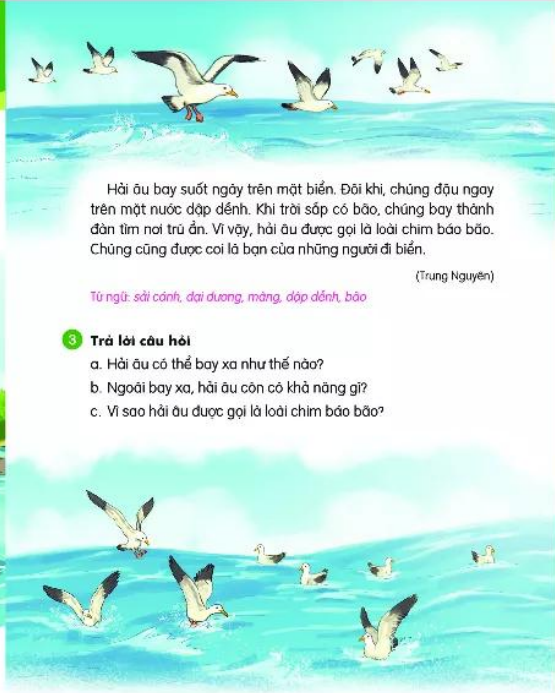


- 2 Đọc

Loài chim của biển cả

Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên có thể bay rất xa, vượt qua cả những đại dương mênh mông. Hải âu còn bơi rất giỏi nhờ chân của chúng có màng như chân vịt.

104



Hải âu bay suốt ngày trên mặt biển. Đôi khi, chúng đậu ngay trên mặt nước đập dếnh. Khi trời sắp có bão, chúng bay thành đàn tìm nơi trú ẩn. Vì vậy, hải âu được gọi là loài chim báo bão. Chúng cũng được coi là bạn của những người đi biển.

(Trung Nguyên)

Từ ngữ: sải cánh, đại dương, mênh, đập dếnh, bão

- 3 Trả lời câu hỏi

- Hải âu có thể bay xa như thế nào?
- Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?
- Vì sao hải âu được gọi là loài chim báo bão?

105

- 4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3

- Hải âu có thể bay (...).
- Ngoài bay xa, hải âu còn (...).

- 5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

đại dương bay xa thời tiết bão đi biển

- Ít có loài chim nào có thể (...) như hải âu.
- Những con tàu lớn có thể đi qua các (...).

- 6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

hải âu máy bay bay cánh



106

- 7 Nghe viết

Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên bay rất xa. Chúng còn bơi rất giỏi nhờ chân có màng như chân vịt.



- 8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

- ân hay ươn? đôi ch g gửi h luyện
- im hay iêm? lim d quý h trái t

- 9 Trao đổi: Cẩn làm gì để bảo vệ các loài chim?



107